

thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có):

Tổ chuyên gia chỉ xem xét, đánh giá về năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt cho phần công việc chuyên ngành được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt quy định tại Mục 27.5 E-CDNT. Kinh nghiệm cụ thể và nguồn lực tài chính của nhà thầu phụ đặc biệt sẽ không được cộng vào kinh nghiệm và nguồn lực của nhà thầu khi xem xét kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu. Nhà thầu phụ đặc biệt được đề xuất phải có đầy đủ kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật để thực hiện công việc và phải đáp ứng các tiêu chí sau đây: _____ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với nhà thầu phụ đặc biệt].

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được

chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bim Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Bảng tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật E-HSDT được quy định dưới đây:

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư, vật liệu xây dựng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1. Tính đáp ứng của thiết bị, vật tư, vật liệu điện chính chào thầu theo bảng	Nêu rõ tên nhà sản xuất/nước sản xuất đối với các vật tư chính chào thầu. Cung cấp đầy đủ các hồ sơ tài liệu chứng minh tính đáp ứng theo quy định tại các mục a, b, c, d, dưới đây.	Đạt
(Bảng 3.1. Bảng thông số kỹ thuật chi tiết thiết bị,	- Không nêu rõ tên nhà sản xuất/nước sản xuất đối với các vật tư chính chào thầu (sử dụng các từ như “hoặc tương đương”	Không đạt

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

<i>vật tư, vật liệu điện chính cho gói thầu)</i>	“trương tự”). Hoặc vật tư chào thầu không đáp ứng các yêu cầu quy định tại các mục a, b, c, d, dưới đây kể cả sau khi được yêu cầu bổ sung, làm rõ.	
a/ Chứng chỉ ISO 9001 hoặc tương đương của NSX	Có chứng chỉ ISO 9001 hoặc tương đương còn hiệu lực, đúng chủng loại hàng hóa chào thầu.	Đạt
	Không có chứng chỉ ISO 9001 hoặc tương đương còn hiệu lực, đúng chủng loại hàng hóa chào thầu.	Không đạt
b/ Hàng hóa tương tự chào thầu đã được vận hành thương mại thỏa mãn yêu cầu của khách hàng tối thiểu 02 năm trên lưới điện Việt Nam	Có xác nhận vận hành thành công hàng hóa chào thầu với thời gian vận hành tối thiểu 2 năm trên lưới điện Việt Nam	Đạt
	Không cung cấp xác nhận vận hành thành công hàng hóa chào thầu với thời gian vận hành tối thiểu 2 năm trên lưới điện Việt Nam kể cả sau khi được yêu cầu bổ sung, làm rõ	Không đạt
c/ Thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật chi tiết quy định tại chương V của E-HSMT	Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về thông số kỹ thuật quy định tại Chương V của E-HSMT đối với các vật tư, thiết bị chính	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật chi tiết theo quy định tại Chương V của E-HSMT đối với các vật tư, thiết bị chính	Không đạt
d/ Biên bản thí nghiệm điển hình (type test) các thông số theo tiêu chuẩn TCVN, IEC hoặc tương đương	Đáp ứng yêu cầu	Đạt
	Không đáp ứng	Không đạt

1.2. Đối với các vật tư khác, vật liệu xây dựng (xi măng, thép xây dựng, thép hình, phụ kiện...): (Theo các yêu cầu trong chương V yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT và Bảng 3.2. Bảng yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn kỹ thuật vật tư khác và vật liệu xây dựng)	Nêu đầy đủ và rõ ràng các chủng loại, nhà sản xuất theo bảng 3.2 “ Bảng yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn kỹ thuật vật tư khác và vật liệu xây dựng ” có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc của nhà cung cấp, nhà sản xuất.	Đạt
	Không nêu rõ hoặc nêu không đầy đủ chủng loại, nhà sản xuất cho hàng hoá thuộc bảng 3.2 “ Bảng yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn kỹ thuật vật tư khác và vật liệu xây dựng ”, không có cam kết cấp hàng hoặc hợp đồng nguyên tắc của nhà cung cấp/nhà sản xuất.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 1.1, 1.2 được xác định là đạt	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

2. Giải pháp kỹ thuật:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Hiểu biết về vị trí và nhận thức đầy đủ về mặt bằng thi công.	Hiểu về vị trí của công trình; về thuận lợi và khó khăn mặt bằng thi công, có các phương án phối hợp giải quyết giữa địa phương, chủ đầu tư và nhà thầu để phục vụ quá trình thi công, phương án đền bù do ảnh hưởng thi công...	Đạt/Chấp nhận được
	Không am hiểu địa bàn, không có phương án phối hợp giữa địa phương, chủ đầu tư và nhà thầu trong quá trình thi công, mặt bằng thi công.	Không đạt
2.2. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, vị trí lấy	Có giải pháp phương án tổ chức mặt bằng, giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp	Đạt/Chấp nhận được

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
mẫu và biện pháp bảo quản thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công	thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. Có đầy đủ kế hoạch bố trí kho bãi, làn trại trong biện pháp thi công được nêu trong HSDT của nhà thầu.	
	Không trình bày tổ chức công trường, hoặc giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
2.3. Thi công xây dựng các hạng mục chính của gói thầu: + Đào đúc móng (bao gồm đầy đủ nội dung thi công đào hố móng, ván khuôn cốt pha, thi công cốt thép, công tác bê tông). + Lắp dựng cột BTLT. + Kéo rải dây trên tuyến. + Lắp đặt thiết bị.	Có thuyết minh đầy đủ các giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng hoặc thiếu các giải pháp thi công xây dựng hạng mục chính của gói thầu.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 2.1, 2.2 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được; 2.3, 2.4 được xác định là đạt .	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

3. Biện pháp tổ chức thi công

Nội dung yêu cầu	Mức độ đánh giá	
3.1. Biện pháp đảm bảo tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị	Có nêu biện pháp đảm bảo tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị bố trí nhân sự đầy đủ, chi tiết và hợp lý	Đạt

	Không nêu biện pháp bảo đảm tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị và công tác bố trí nhân sự.	Không đạt
3.2. Biện pháp thi công các hạng mục chính của gói thầu: + Đào đúc móng (bao gồm đầy đủ nội dung thi công đào hố móng, ván khuôn cốt pha, thi công cốt thép, công tác bê tông). + Lắp dựng cột BTLT. + Kéo rải dây trên tuyến. + Lắp đặt thiết bị.	Có nêu đầy đủ biện pháp thi công cho các hạng mục chính của gói thầu, chi tiết theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật. Có các bản vẽ thể hiện rõ các phương án thi công.	Đạt
	Không nêu hoặc không một trong những biện pháp thi công các hạng mục công việc chính theo yêu cầu của gói thầu.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 3.1, 3.2, 3.3 được xác định là đạt.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

4. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Thời gian thi công: Nhà thầu có cam kết trong E-HSDT về tiến độ thi công công trình đảm bảo thời gian thi công không quá 90 ngày	Đáp ứng yêu cầu	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
4.2. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu tại mục 4.1 kể trên.	Hồ sơ dự thầu của nhà thầu có Biểu đồ tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và yêu cầu tại mục 4.1 kể trên.	Đạt
	Trong Hồ sơ dự thầu của nhà thầu Không có Biểu đồ tiến độ thi công chi tiết hoặc có Biểu đồ tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật cũng như yêu cầu tại mục 4.1 kể trên.	
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 4.1, 4.2 được xác định là đạt.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đánh giá	
<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý chất lượng vật tư: các quy trình kiểm tra chất lượng vật tư, tiếp nhận, lưu kho, bảo quản. - Quản lý chất lượng cho từng loại công tác thi công (đào, đắp đất, cốt thép, bê tông, chống thấm, lắp đặt thiết bị...): quy trình lập biện pháp thi công, thi công, kiểm tra, nghiệm thu, lập hồ sơ hoàn công. - Tổ chức phòng thí nghiệm, thiết bị kiểm tra. - Biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão. - Sửa chữa hư hỏng và bảo hành công trình. 	Trình bày đầy đủ các yêu cầu về quản lý bảo đảm chất lượng trong công tác thi công đúng quy trình, quy phạm.	Đạt
	Không nêu các biện pháp bảo đảm chất lượng trong công tác thi công ở biện pháp thi công công trình.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt .	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1. An toàn lao động		

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
6.2. Phòng cháy, chữa cháy		
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
6.3. Vệ sinh môi trường		
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 6.1, 6.2, 6.3 được xác định là đạt .	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

7. Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ quản lý công trình

Nội dung yêu cầu	Mức độ đánh giá	
Nhà thầu phải trang bị hệ thống thiết bị công nghệ thông tin để kết nối với hệ thống quản lý chất lượng công trình của Chủ đầu tư (gồm: Điện thoại sử dụng hệ điều hành IOS hoặc Android; Máy vi tính; sim ký số...)	7.1.Có cam kết trang bị hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo kết nối với hệ thống thông tin của Chủ đầu tư trong việc quản lý tiến độ, chất lượng công trình.	Đạt
	7.2.Không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không trang bị hệ thống thiết bị công nghệ thông tin để kết nối với hệ thống thông tin của Chủ đầu tư trong việc quản lý chất lượng, tiến độ công trình	Không đạt
Kết luận	Tiêu chí 7.1 được xác định là đạt.	

8. Bảo hành và uy tín của Nhà thầu

Nội dung yêu cầu	Mức độ đánh giá	
8.1. Bảo hành		
Thời gian bảo hành	Có đề xuất thời gian bảo hành ≥ 18 tháng.	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành < 18 tháng.	Không đạt
8.2. Uy tín của nhà thầu		
8.2.1. Uy tín của Nhà thầu thông qua việc tham dự thầu:	<p>- Không có hành vi vi phạm trong quá trình tham dự thầu quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định 214/2025-NĐ-CP.</p> <p><i>Trường hợp nhà thầu có hành vi vi phạm về uy tín trong việc tham dự thầu thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo quy</i></p>	Đạt

	<i>định tại khoản 2 điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP.</i>	
	- Có hành vi vi phạm trong quá trình tham dự thầu quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định 214/2025-NĐ-CP. Nhưng không thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 2 điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP.	Không đạt
8.2.2. Uy tín của Nhà thầu thông qua kết quả thực hiện hợp đồng trước đó: Theo kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu định kỳ/hàng năm do Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc phê duyệt gần nhất với thời điểm bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu.	Nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh nhà thầu) không có hợp đồng mà bị đánh giá là không đạt hoặc không có từ hai (02) hợp đồng trở lên bị đánh giá là cảnh báo.	Đạt
	Nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh nhà thầu) có hợp đồng mà bị đánh giá là không đạt hoặc có từ hai (02) hợp đồng trở lên bị đánh giá là cảnh báo.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết 8.1, 8.2 được xác định là đạt.	Đạt
	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt

E-HSDT Đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí được đánh giá là đạt. Trường hợp không đạt một trong các tiêu chí tổng quát (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8) thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp: